

Bản án số: 01/2017/KDTM-ST
Ngày 18 tháng 5 năm 2017.
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Nghị
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Hứa Văn Chế
2. Bà: Khuất Thị Toàn
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Giang.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2017, tại Hội trường xét xử dân sự Toà án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02 /2016/TLST- KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần G

Địa chỉ: Tổ 18, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - Phó Giám đốc công ty (Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2016);
- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S - Phó Giám đốc công ty (Văn bản ủy quyền số 25 ngày 10/3/2017).
(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần S

Địa chỉ: - Tổ 10, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- Số 70 A, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Đào Hùng T - Giám đốc công ty.
(Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2016 và quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào ngày 04/12/2014 tại Công ty cổ phần S, ông Đào Hùng T đại diện cho Công ty cổ phần S có đến đơn vị đặt vấn đề mua gạch đỏ để thi công công trình trụ sở làm việc của Cục H tỉnh Hà Giang, sau khi thỏa thuận hai bên ký kết hợp đồng kinh tế số 20/HĐMB ngày 04/12/2014 giữa Công ty cổ phần S và Công ty cổ phần G hai bên thống nhất hợp đồng mua bán gạch và cát xây dựng với những điều khoản cụ thể gạch đặc A1 đơn giá 1.650đ/viên, gạch tuynel đơn giá 1.400đ/ viên, cát xây đơn giá 150.000,đ/khối. Về phương thức giao nhận số lượng hàng Công ty cổ phần S lấy dần theo tiến độ và nhu cầu của hai bên. Công ty cổ phần G giao hàng cho Công ty cổ phần S tại công trường Cục H tỉnh Hà Giang. Về phương thức thanh toán Công ty cổ phần S sẽ thanh toán cho Công ty cổ phần G bằng hình thức chuyển khoản trước khi lấy hàng. Sau khi thống nhất xong hai bên thực hiện giao dịch mua bán các xe nhận vận chuyển có kèm theo giấy giao hàng, nhưng trong quá trình giao nhận và thanh toán bên mua không tuân thủ nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và không còn thi công công trình đó nữa. Cụ thể các xe nhận chở hàng ký nhận giao hàng với thủ kho anh Nguyễn Ngọc A là người nhận hàng của Công ty cổ phần S gồm tổng cộng các lần theo giấy giao nhận hàng cả tiền gạch và cát là 56.230.000,đ. Phía Công ty cổ phần S đã thanh toán được 10.000.000,đ bằng tiền mặt. Hiện Công ty cổ phần S còn nợ phía Công ty cổ phần G với số tiền là 46.230.000,đ (Bốn mươi sáu triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng), công ty cổ phần G đã nhiều lần yêu cầu Công ty cổ phần S thanh toán số tiền nợ trên nhưng không có kết quả và trả lời chờ khối lượng công trình thanh toán từ Cục H tỉnh Hà Giang. Nay Công ty cổ phần S không hợp tác giải quyết và cho rằng chưa chốt nợ giữa hai bên. Do vậy, công ty cổ phần G làm đơn đề nghị Tòa án thành phố Hà Giang giải quyết buộc Công ty cổ phần S trả số tiền mua hàng theo hợp đồng còn nợ là 46.230.000,đ cho công ty cổ phần G.

- Về phía bị đơn tại văn bản số 44/CT-TCKT ngày 29/11/2016 của Công ty cổ phần S có ý kiến như sau: Trước tiên Công ty cổ phần S khẳng định việc ký kết hợp đồng số 020/HĐMB ngày 04/12/2014 giữa Công ty cổ phần S và Công ty cổ phần G đảm bảo tính pháp lý theo quy định của Luật thương mại. Về Công ty cổ phần G khởi kiện Công ty cổ phần S yêu cầu thanh toán số tiền 46.230.000,đ là không đảm bảo tính pháp lý vì các lý do: Công ty G cung cấp hàng không có đơn đặt hàng của Công ty cổ phần S theo điều khoản của hợp đồng. Các hồ sơ giấy giao vật liệu, giấy giao hàng, bảng đối chiếu công nợ không có xác nhận, chữ ký của người có thẩm quyền đại diện của Công ty cổ phần S. Do vậy, việc khởi kiện của Công ty cổ phần G là hoàn toàn không có căn cứ pháp lý.

Tại bản tự khai đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Việc thực hiện hợp đồng kinh tế số 20/HĐMB ngày 04/12/2014 giữa hai bên Công ty cổ phần G và Công ty cổ phần S là có thực. Tuy nhiên cho đến thời điểm hiện tại số liệu thống

nhất xác nhận công nợ giữa hai bên là không có, việc giao dịch, giao nhận, xác nhận số liệu hàng hóa giữa hai bên cũng không đảm bảo tính pháp lý người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần S là ông Đào Hùng T chưa ký hoặc ủy quyền cho pháp nhân khác ký giao dịch và nhận nợ. Do vậy, việc khởi kiện của bên Công ty cổ phần G là không có cơ sở.

Tại phiên đối chất ngày 16/12/2016 hai bên khẳng định hợp đồng kinh tế số 20/HĐMB ngày 04/12/2014 là hợp đồng kinh tế đảm bảo tính pháp lý. Nhưng về thực hiện hợp đồng phía nguyên đơn có ý kiến đã thực hiện chuyển hàng gạch, cát xây dựng công trình Cục H số tiền còn nợ 46.230.000,đ đã có bảng đối chiếu công nợ với khách hàng anh Nguyễn Ngọc A là người của Công ty cổ phần S đã nhận hàng. Ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bị đơn chưa có đối chiếu về công nợ với nhau đảm bảo tư cách pháp nhân theo hợp đồng. Ông Nguyễn Ngọc A chưa đủ tư cách pháp nhân để đối chiếu công nợ với phía công ty cổ phần G, việc đối chiếu chưa đủ tính pháp lý cần phải xác định rõ giữa hai bên.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải nhưng phía Công ty cổ phần S đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được và mở phiên toà xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm ban đầu đề nghị Công ty cổ phần S trả số tiền còn nợ là 46.230.000,đ. Đối với các giấy giao hàng trước thời điểm ký hợp đồng là do hai bên đã thống nhất và được sự nhất trí của phía bên Công ty cổ phần S cho chở hàng trước.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, HĐXX đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật TTDS. Bị đơn vắng mặt không có lý do vi phạm khoản 16, Điều 70 Bộ luật TTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp bảng đối chiếu công nợ ngày 07/12/2014; 12 giấy giao nhận hàng người nhận là Nguyễn Ngọc A, không có xác nhận của Công ty cổ phần S. Vì vậy, không có đủ căn cứ xác định Công ty cổ phần S nợ Công ty cổ phần G. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306 Luật Thương Mại giải quyết vụ án như sau: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn công ty cổ phần G về việc yêu cầu Công ty cổ phần S phải thanh toán số tiền 46.230.000,đ.

- Về án phí: Công ty cổ phần G phải chịu tiền án phí theo quy định Điều 147 Bộ luật TTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Công ty cổ phần S có ký hợp đồng mua gạch và cát xây để xây dựng công trình Cụm H tỉnh Hà Giang với Công ty cổ phần G theo hợp đồng số 020/HĐMB ngày 04/12/2014. Hai bên thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá, chủng loại chất lượng, phương thức thanh toán. Trong quá trình thực hiện hợp đồng công ty cổ phần G đồng ý cho Công ty cổ phần S dư nợ tiền gạch với số tiền 50.000.000,đ. Thời hạn thanh toán khoản dư nợ là 30 ngày kể từ ngày công ty cổ phần G thông báo, nếu Công ty cổ phần S không thanh toán thì công ty cổ phần G sẽ ngừng cung cấp hàng. Sau khi ký kết hợp đồng hai bên đã thực hiện theo hợp đồng đã ký kết, tuy nhiên quá trình giao nhận và thanh toán bên mua không tuân thủ nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, các lần giao nhận hàng có ký giấy giao nhận hàng với nhau căn cứ vào giấy giao nhận hàng cụ thể tiền công nợ của Công ty cổ phần S bao gồm tiền gạch và cát là 56.230.050,đ đã thanh toán được 10.000.000,đ còn nợ lại là 46.230.050,đ. Xét yêu cầu của Công ty cổ phần G đề nghị Công ty cổ phần S trả số tiền gạch, cát còn nợ chưa thanh toán là có cơ sở bởi lẽ: Theo hợp đồng đã ký kết phía Công ty cổ phần S anh Nguyễn Ngọc A là người nhận hàng trực tiếp đã ký nhận xác nhận với Công ty cổ phần G các xe giao hàng, đối chiếu với người giao hàng. Tại phiên đối chất đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần S cũng thừa nhận có nợ. Hơn nữa, Công ty cổ phần G đã nhận được khoản thanh toán bằng tiền mặt là 10.000.000,đ. Quá trình giải quyết vụ án phía Công ty cổ phần S đã được Tòa án triệu tập họp lên nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do nên không đưa được quan điểm của mình. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang có ý kiến phát biểu căn cứ vào các tài liệu nguyên đơn cung cấp bảng đối chiếu công nợ ngày 07/12/2014; 12 giấy giao nhận hàng người nhận là anh Nguyễn Ngọc A không có xác nhận của Công ty cổ phần S nên không đủ căn cứ xác định Công ty cổ phần S nợ Công ty cổ phần G đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, các biên bản xác minh thu thập chứng cứ đều được xác nhận Công ty cổ phần S là đơn vị có thi công xây dựng Cụm H tỉnh Hà Giang. Như vậy, đủ cơ sở cần buộc Công ty cổ phần S phải có trách nhiệm thanh toán tiền gạch, cát với số tiền còn nợ là 46.230.000,đ (*Bốn mươi sáu triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*) cho Công ty cổ phần G.

Về án phí: Công ty cổ phần S phải chịu án phí KDTM có giá ngạch theo quy định của pháp luật là $46.230.000,đ \times 5\% = 2.311.500,đ$; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần G.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 24; Điều 50; Điều 55 Luật Thương Mại năm 2005, Điều 30; khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/2/2009.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần G về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với Công ty cổ phần S.

Tuyên xử: Buộc Công ty cổ phần S phải có trách nhiệm thanh toán tiền gạch, cát cho Công ty cổ phần G số tiền còn nợ là 46.230.000,đ (*Bốn mươi sáu triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*).

Kể từ khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Công ty cổ phần S phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 2.311.500,đ (*Hai triệu ba trăm mười một nghìn năm trăm đồng*).

Trả lại cho Công ty cổ phần G số tiền tạm ứng án phí 2.000.000,đ (*Hai triệu đồng*) bà Nguyễn Thị H nộp tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang theo biên lai số 00287 ngày 15/11/2016.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TPHG;
- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- C.C THA TP;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

Ma Thị Nghị

